

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình cải tạo, nâng cấp ĐH.53, đoạn Km0+000 - Km2+400, huyện Khoái Châu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 năm 2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình; số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 hướng dẫn xác định và quản lý chi phí xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 2024/QĐ-UBND ngày 21/9/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp ĐH.53, đoạn Km0+000 - Km2+400, huyện Khoái Châu;

Xét đề nghị của Chủ tịch UBND huyện Khoái Châu tại Tờ trình số 53/TTr-UBND ngày 25/4/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp ĐH.53, đoạn Km0+000 - Km2+400, huyện Khoái Châu với nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên công trình: Cải tạo, nâng cấp ĐH.53, đoạn Km0+000 - Km2+400, huyện Khoái Châu.

2. Thuộc dự án: Đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp ĐH.53, đoạn Km0+000 - Km2+400, huyện Khoái Châu.

3. Chủ đầu tư: UBND huyện Khoái Châu.

4. Loại, cấp công trình:

- Loại công trình: Công trình giao thông;

- Cấp công trình: Công trình cấp III.

5. Địa điểm xây dựng: Huyện Khoái Châu.

6. Nhà thầu lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng: Trung tâm Tư vấn giao thông vận tải Hưng Yên.

7. Chủ nhiệm dự án: Kỹ sư Trần Quang Tú.

8. Quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật và giải pháp thiết kế chủ yếu:

8.1. Quy mô: Đường cấp IV đồng bằng; tốc độ thiết kế $V_{tk}=60\text{km/h}$ (đoạn qua khu đông dân cư thiết kế tốc độ hạn chế $V_{tk}=40\text{km/h}$); mặt đường bê tông nhựa; tải trọng trục thiết kế 10T; mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{yc}=135\text{Mpa}$; chiều dài tuyến $L=2.300\text{m}$.

8.2 Giải pháp thiết kế:

8.2.1. Bình đồ: Điểm đầu Km0+000 giao với ĐT.377 (tại Km23+320) thuộc địa phận xã Thuận Hưng, tuyến đi theo đường cũ chủ yếu qua khu dân cư xen kẽ ruộng canh tác; điểm cuối Km2+300 vị trí giáp ranh giữa 2 xã Nhuế Dương, huyện Khoái Châu và xã Thọ Vinh, huyện Kim Động; chiều dài tuyến $L=2.300\text{m}$.

8.2.2. Trắc dọc tuyến: Cao độ thiết kế phù hợp phù hợp với hiện trạng, đảm bảo chiều dày kết cấu và êm thuận trên toàn tuyến.

8.2.3. Trắc ngang tuyến:

- Chiều rộng mặt đường: $B_m=7,0\text{m}$, độ dốc ngang $i=2\%$.

- Chiều rộng lề đường: $B_l=1\text{m} \times 2\text{bên}=2,0\text{m}$, độ dốc ngang lề $i=4\%$.

- Chiều rộng nền đường: $B_n=9,0\text{m}$.

8.2.4. Kết cấu mặt đường (theo thứ tự từ trên xuống dưới):

- Kết cấu trên mặt đường cũ:

+ Lớp mặt đường rải BTNC 19 dày 7cm;

+ Tưới nhựa thấm bảm bằng nhựa nóng pha dầu, tiêu chuẩn $1,0\text{kg/m}^2$;

+ Lớp móng trên cấp phối đá dăm loại 1 dày 15cm;

+ Lớp móng dưới cấp phối đá dăm loại 2 dày 10cm;

+ Bù vênh trên mặt đường cũ bằng cấp phối đá dăm loại 2;

- Kết cấu trên mặt đường mở rộng và cải tạo nền mặt đường cũ:

+ Lớp mặt đường rải BTNC 19 dày 7cm;

+ Tưới nhựa thấm bảm bằng nhựa nóng pha dầu, tiêu chuẩn $1,0\text{kg/m}^2$;

+ Lớp móng trên cấp phối đá dăm loại 1 dày 15cm;

+ Lớp móng dưới cấp phối đá dăm loại 2 dày 30cm;

8.2.5. Nền đường: Nền đường mở rộng đắp bằng cát đầm chặt K98 dày 50cm. Lề đường và mái ta luy nền đường đắp đất đầm chặt K90, độ dốc mái ta luy nền đắp 1:1,5.

8.2.6. Các công trình trên tuyến:

a) Hệ thống thoát nước:

- Thoát nước dọc: Đoạn ngoài khu dân cư thoát nước dọc tự nhiên; đoạn qua khu dân cư (bên trái tuyến khoảng Km0+000-Km0+707, Km1+565-Km2+292; bên phải tuyến khoảng Km0+000-Km1+100, Km1+510-Km2+292) thiết kế hệ thống rãnh dọc và hố ga để đảm bảo thoát nước. Giải pháp kết cấu: Rãnh có chiều rộng lòng

rãnh 40cm, thân rãnh bằng BTCT đúc sẵn M250 dày 10cm đặt trên lớp đá dăm đệm, nắp rãnh bằng BTCT đúc sẵn M250 dày 15cm. Hồ ga: Khoảng cách 30m đến 50m 1 hố, móng hố ga bằng BTXM đổ tại chỗ M150 dày 15cm trên lớp đệm đá dăm dày 15cm, tường xây gạch vữa XMCV M75 dày 33cm, xà mũ bằng BTXM đổ tại chỗ M200, tấm đan nắp ga chịu lực bằng BTCT đúc sẵn M250 dày 15cm.

- Thoát nước ngang: Tận dụng các cống ngang còn tốt; thiết kế xây dựng mới và thay thế 02 cống D750 tại Km0+020 và Km0+965; 01 cống D1500 tại Km0+707. Các cống bằng BTCT đúc sẵn tải trọng C, móng cống bằng BTXM đổ tại chỗ M150 đá 2x4 dày 20cm trên lớp đá dăm đệm dày 15cm, bao thân cống bằng BTXM đổ tại chỗ M200; tường đầu, tường cánh xây đá hộc vữa XMCV M100.

b) Hệ thống báo hiệu đường bộ: Thiết kế theo Quy chuẩn về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2016/BGTVT.

9. Giá trị dự toán xây dựng công trình : **20.159.423.000 đồng.**

Trong đó:

- Chi phí xây dựng : 16.596.182.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án : 315.780.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư và xây dựng : 982.224.000 đồng
- Chi phí khác : 1.100.161.000 đồng
- Chi phí dự phòng : 1.165.076.000 đồng

10. Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh 70%; ngân sách huyện Khoái Châu 30%.

11. Thời gian thực hiện: Năm 2017 - 2020.

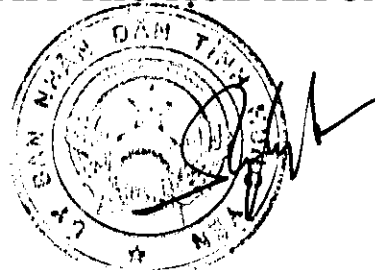
Điều 2. Chủ đầu tư và các sở, ngành liên quan tổ chức thực hiện Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán đầu tư xây dựng công trình theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh về quản lý đầu tư xây dựng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Kế hoạch và đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Kho bạc nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Khoái Châu và thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT1^D.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Đặng Ngọc Quỳnh